TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 530/2020/DS-PT
Ngày 19- 10- 2020
V/v "Tranh chấp quyền sử dụng đất và yêu cầu hủy một phần giấy chứng nhận quyền sử dụng đất".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Minh

Các Thẩm phán: Ông Hoàng Thanh Dũng

Bà Mai Thị Tú Oanh

- Thư ký phiên tòa: Ông Hồ Quang Nhựt - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Hà Văn Hừng - Kiểm sát viên.

Trong ngày 19 tháng 10 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 404/2019/TLPT-DS ngày 23 tháng 7 năm 2019 về việc: "Tranh chấp quyền sử dụng đất và yêu cầu hủy một phần giấy chứng nhận quyền sử dụng đất".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 04/2019/DS-ST ngày 06 tháng 6 năm 2019 của Toà án nhân dân tỉnh Tây Ninh bị kháng cáo;

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 1024/2020/QĐPT-DS ngày 28 tháng 9 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Trần Hoa T, sinh năm 1954; cư trú tại: Ấp S, xã S, huyện M, tỉnh Tây Ninh (vắng mặt).

Người đại diện theo ủy quyền của bà T: Bà Lê Thị D, sinh năm 1977; cư trú tại: Tổ 4, ấp An Đ, xã An Đ, huyện S, tỉnh Tây Ninh (văn bản ủy quyền ngày 20-12-2016 và ngày 31-10-2017); (có mặt khi khai mạc phiên tòa nhưng đến khi xét xử vắng mặt).

2. Bị đơn: Ông Võ Thái H, sinh năm 1959; bà Lương Thị K, sinh năm 1962; cùng cư trú tại: Số 62, tổ 7, Ấp S, xã S, huyện M, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của ông H, bà K:

- Ông Nông Văn Nam, sinh năm 1988; cư trú tại: Số 50/27 Quang G, Phường 10, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Luật sư Nguyễn Thạch V - Văn phòng Luật sư Nguyễn Thạch V - Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Ủy ban nhân dân huyện M, tỉnh Tây Ninh; địa chỉ: Khu phố 4, thị trấn M, huyện M, tỉnh Tây Ninh;

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trần Văn T – Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện M (có đơn xin xét xử vắng mặt).

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Nguyễn Thị Ngọc R – Trưởng Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện M (văn bản ủy quyền số: 136/QĐ-UBND, ngày 19-01-2018); có đơn xin xét xử vắng mặt.

3.2. Anh Nguyễn Phương L, sinh năm 1974; cư trú tại: Ấp S, xã S, huyện M, tỉnh Tây Ninh; có yêu cầu xin xét xử vắng mặt.

3.3. Chị Nguyễn Thanh A, sinh năm 1977; cư trú tại: Ấp S, xã S, huyện M, tỉnh Tây Ninh; có yêu cầu xin xét xử vắng mặt.

3.4. Anh Nguyễn Khánh P, sinh năm 1979; cư trú tại: Ấp S, xã S, huyện M, tỉnh Tây Ninh; có yêu cầu xin xét xử vắng mặt.

3.5. Anh Nguyễn Thành C, sinh năm 1986; cư trú tại: Ấp S, xã S, huyện M, tỉnh Tây Ninh; có yêu cầu xin xét xử vắng mặt.

3.6. Chị Nguyễn Thị Thanh X, sinh năm 1991; cư trú tại: Ấp S, xã S, huyện M, tỉnh Tây Ninh;

4. người kháng cáo: ông Võ Thái H và bà Lương Thị K là bị đơn

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo đơn khởi kiện của bà Trần Hoa T và trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện theo ủy quyền của bà T là bà Lê Thị D trình bày:

Năm 2001, bà Trần Hoa T có vay của bà Lương Thị K, ông Võ Thái H 05 chỉ vàng, bà T đã trả hết 05 chỉ vàng 96% còn nợ lại tiền lãi là 1,5 chỉ vàng. Khi đó, bà T còn nợ những người khác, cuộc sống khó khăn nên bà T bỏ nhà đi làm thêm ở xa, không liên lạc với chồng con; vợ chồng bà K, ông H đến nói với ông X (chồng bà T, đã chết) là "bà T đã bán phần đất diện tích khoảng 552,4 m^2 cho vợ chồng bà K", ông X không liên lạc được với bà T nên để cho vợ chồng bà K xây nhà.

Khi bà T về thì vợ chồng bà K đã xây xong nhà, bà T có đến nói chuyện thì bà K nói lỡ rồi, vợ chồng bà K sẽ trả lại cho vợ chồng bà T 100.000.000 đồng nhưng đến nay không trả.

Vợ chồng bà T, ông X không ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng

552,4 m^2 đất cho vợ chồng bà K. Năm 2008, vợ chồng bà K tự ý kê khai gian dối, khai nguồn gốc đất là *"Cha mẹ cho năm 1991"* và được Ủy ban nhân dân huyện M cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: H 06428 ngày 25-9-2008, diện tích 3.395 m^2 (trong đó có diện tích 552,4 m^2 là của bà T, diện tích đất còn lại là của ông H, bà K), thuộc thửa 135, tờ bản đồ số 09; trong khi toàn bộ diện tích 552,4 m^2 vợ chồng bà T, ông X đã được Ủy ban nhân dân huyện M cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: 01280-QSDĐ/C/10 ngày 06-6-1993. Đất tranh chấp hiện vợ chồng ông H, bà K đang quản lý, sử dụng.

Nay, bà T yêu cầu vợ chồng ông H, bà K trả lại diện tích đất khoảng 552,4 m^2 (diện tích đo đạc thực tế 494 m^2) và yêu cầu hủy một phần giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: H06428 đối với diện tích 494 m^2 đất nêu trên.

Bị đơn – ông Võ Thái H, bà Lương Thị K và người đại diện theo ủy quyền là anh Đặng Châu T1 trình bày:

Trước đây, vợ chồng ông X, bà T có vay của vợ chồng ông H, bà K 05 chỉ vàng 24 K. Khoảng 5 năm sau, vợ chồng bà T trả 05 chỉ vàng gốc, còn nợ lại 02 chỉ vàng lãi nhưng do vợ chồng bà T không có khả năng trả nên chuyển nhượng cho vợ chồng ông H, bà K phần đất có chiều ngang mặt tiền là 17 m, chiều ngang mặt hậu là 19,5 m, chiều dài 34,5 m để cấn trừ nợ lãi. Khi chuyển nhượng bà T nói đất chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng, các bên không lập hợp đồng chuyển nhượng, không đo đạc lại đất nên không biết diện tích cụ thể là bao nhiêu, vợ chồng ông X, bà T chỉ đứng chỉ ranh từ đường xe 4 m cặp hàng trúc đến gốc mít.

Năm 2001, vợ chồng bà K đã xây dựng nhà để ở, vợ chồng bà T biết nhưng không có ý kiến gì.

Năm 2008, vợ chồng ông H, bà K kê khai đăng ký và được Ủy ban nhân dân huyện M cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: H 06428 ngày 25-9-2008, diện tích 3.395 m^2 (trong đó có diện tích đất tranh chấp). Việc Ủy ban nhân dân huyện M cấp trùng vị trí thửa đất thì ông H, bà K không biết. Hiện đất tranh chấp ông H, bà K đang quản lý sử dụng, bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ông H, bà K đang cất giữ.

Ông H, bà K không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà T vì đất này ông X, bà T đã chuyển nhượng cho ông H, bà K để cấn trừ 02 chỉ vàng lãi còn nợ.

Chị Võ Thị Thúy Y là người đại diện theo ủy quyền của ông H, bà K thống nhất theo lời trình bày của anh Đặng Châu T1, không bổ sung gì thêm.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Anh Nguyễn Phương L, chị Nguyễn Thanh A, anh Nguyễn Khánh P, anh Nguyễn Thành C, chị Nguyễn Thị Thanh X là con của bà Trần Hoa T, thống nhất theo lời trình bày của bà T và của người đại diện theo ủy quyền của bà T là bà Lê Thị D, yêu cầu Tòa án xét xử theo quy định pháp luật.

- Ủy ban nhân dân huyện M do bà Nguyễn Thị Ngọc R đại diện theo ủy quyền có văn bản trình bày:

Năm 1993, ông Nguyễn Văn X cư ngụ Ấp S, xã S, huyện M, tỉnh Tây Ninh thực hiện việc kê khai, đăng ký quyền sử dụng đất thửa số 3677, 1198, 1199, 1200, 1195, thuộc tờ bản đồ số 01 và thửa số 61, tờ bản đồ số 5 xã S (nguồn tài liệu Bản đồ 299 đo năm 1991), được Ủy ban nhân dân huyện M cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lần đầu số vào sổ: 01280, ký ngày 06-6-1993.

Năm 2008, vợ chồng bà Lương Thị K, ông Võ Thái H, cư ngụ Ấp S, xã S đến Ủy ban nhân dân xã Slàm đơn xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa đất số 135, tờ bản đồ số 09 (bản đồ đo năm 2000), kê khai nguồn gốc đất do cha mẹ cho năm 1991 và được Ủy ban nhân dân huyện M cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lần đầu số vào sổ: H 06428 ký ngày 25-9-2008.

Qua rà soát hồ sơ địa chính 299, 2000 thể hiện thửa đất số 135 (chỉnh lý gộp thửa đất số 126, 127, 128, 135 thành thửa đất số 135) tờ bản đồ số 9 cấp giấy cho bà Lương Thị K, ông Võ Thái H có vị trí trùng một phần vị trí thửa đất số 61, tờ bản đồ số 05 đã cấp cho ông Nguyễn Văn X .

Từ cơ sở nêu trên, Ủy ban nhân dân huyện M có ý kiến: Việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trường hợp bà Lương Thị K, ông Võ Thái H là không đúng quy định về đất đai, yêu cầu Tòa án xét xử theo quy định pháp luật.

Tài sản tranh chấp qua thẩm định, định giá như sau:

- Đất: Diện tích theo bản đồ địa chính năm 2010 là 554,2 m^2, diện tích hiện trạng 494 m^2, thuộc một phần thửa 135, tờ bản đồ số 09 (thửa 440, tờ bản đồ số 10); tọa lạc tại: Ấp S, xã S, huyện M, tỉnh Tây Ninh; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: H 06428 ngày 25-9-2008 do Ủy ban nhân dân huyện M cấp cho ông Võ Thái H, bà Lương Thị K, hiện ông H, bà K đang quản lý, sử dụng đất; đất có giá là 220.047.548 đồng.

- Tài sản trên đất gồm có:

+ Công trình xây dựng: Nhà ở chính, giá trị 106.060.820 đồng; hiên nhà ở chính, giá trị 32.701.018 đồng; nhà bếp, giá trị 66.116.892 đồng; mái che (kế bên nhà bếp), giá trị 2.054.372 đồng; nhà vệ sinh, giá trị 7.189.016 đồng; bồn nước, giá trị 1.380.000 đồng; giá đỡ bồn nước, giá trị 737.760 đồng. Tổng giá trị: 216. 239.878 đồng.

+ Cây trồng trên đất: 03 cây măng cầu khoảng 02 năm tuổi, giá trị 300.000 đồng (100.000 đồng/cây); 01 cây mít khoảng 17 năm tuổi, giá trị 1.000.000 đồng; 01 cây mận khoảng 04 năm tuổi, giá trị 200.000 đồng; 02 cây mai khoảng 15 năm tuổi, giá trị 1.200.000 đồng (600.000 đồng/cây); 02 cây dừa khoảng 04 năm tuổi; giá trị 1.000.000 đồng (500.000 đồng/cây). Tổng cộng 3.700.000 đồng.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 04/2019/DS-ST ngày 06 tháng 6 năm 2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh quyết định:

Căn cứ vào Điều 203 Luật Đất đai; Điều 691 của Bộ luật Dân sự năm 1995; Điều 256, 688 của Bộ luật Dân sự năm 2005; Điều 155, 157 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Trần Hoa T về việc "Tranh chấp quyền sử dụng đất" đối với ông Võ Thái H và bà Lương Thị K; không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Hoa T về việc hủy bỏ phần Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: H 06428 ngày 25-9-2008 do Ủy ban nhân dân huyện M cấp cho ông Võ Thái H, bà Lương Thị K đứng tên đối với diện tích 494 m^2 đất.

2. Buộc ông Võ Thái H, bà Lương Thị K phải có trách nhiệm thanh toán cho bà Trần Hoa T và những người thừa kế của ông Nguyễn Văn X gồm: Nguyễn Phương Tùng, chị Nguyễn Thanh Trúc, anh Nguyễn Khánh Phương, anh Nguyễn Thành Quang, chị Nguyễn Thị Thanh Sang giá trị quyền sử dụng 494 m^2 đất là 220.047.548 (hai trăm hai mươi triệu, không trăm, bốn mươi bảy nghìn, năm trăm bốn mươi tám) đồng.

3. Ông Võ Thái H, bà Lương Thị K được tiếp tục sử dụng phần đất có diện tích hiện trạng là 494 m^2, thuộc một phần thửa 135, tờ bản đồ số 09, theo Bản đồ địa chính đo năm 2000 (tương ứng thửa 440, tờ bản đồ số 10, theo Bản đồ địa chính đo năm 2010) và sở hữu toàn bộ tài sản trên đất; tọa lạc tại: Ấp S, xã S, huyện M, tỉnh Tây Ninh; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: H 06428 ngày 25-9-2008 do Ủy ban nhân dân huyện M cấp, ông Võ Thái H, bà Lương Thị K đứng tên; đất có tứ cận như sau:

+ Đông giáp đường đất, dài 15,01 m;

+ Tây giáp thửa cũ 128 (đất ông H, bà K), dài 17,30 m;

+ Nam giáp thửa 136 (đất ông Đoàn Văn Nghĩa) dài 29,81 m;

+ Bắc giáp đường mòn, dài 28,46 m + 2,97 m.

(có Sơ đồ đất kèm theo)

4. Về chi phí đo đạc, thẩm định giá: Ghi nhận bà Trần Hoa T tự nguyện chịu 10.500.000 (mười triệu năm trăm nghìn) đồng.

Ngoài ra, bản án dân sự sơ thẩm còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Vào các ngày 10/6/2019, ông Võ Thái H và bà Lương Thị K là bị đơn kháng cáo toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm theo hướng bác đơn khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Đại diện theo ủy quyền của bị đơn ông Võ Thái H, bà Lương Thị K là ông Nông Văn Nam trình bày: Đề nghị sửa bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn trình bày: Tòa án cấp sơ thẩm không giải thích cho bị đơn làm đơn phản tố và bác yêu cầu của bị đơn là không khách quan. Hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: H 06428 ngày 25-9-2008, diện tích 3.395 m^2 (trong đó có diện tích 552,4 m^2 là của bà T, diện tích đất còn lại là của ông H, bà K), thuộc thửa 135, tờ bản đồ số 098 có ông X là chồng của bà T xác nhận. Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và chấp nhận kháng cáo của bị đơn.

Nguyên đơn bà Trần Hoa T vắng mặt nhưng có người đại diện theo ủy quyền là bà Lê Thị D có mặt khi khai mạc phiên tòa nhưng đến khi xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử căn cứ vào Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt nguyên đơn và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đều vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về việc tuân thủ pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm:

- Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự, đảm bảo cho các đương sự có các quyền và nghĩa vụ theo quy định; gửi các Quyết định, Thông báo cho Viện kiểm sát cùng cấp, đương sự đầy đủ, đúng thời hạn. Hội đồng xét xử đúng thành phần, phiên tòa diễn ra theo đúng trình tự và quy định của pháp luật.

- Về nội dung: Ông Võ Thái H và bà Lương Thị K kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm nhưng không đưa ra được chứng cứ mới nào chứng minh yêu cầu của mình nên không có cơ sở chấp nhận. Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 04/2019/DS-ST ngày 06 tháng 6 năm 2019 của Toà án nhân dân tỉnh Tây Ninh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Theo lời trình bày và thừa nhận của các đương sự thì vào năm 2001 giữa bà Trần Hoa T và bà Lương Thị K, ông Võ Thái H đã có phát sinh quan hệ vay mượn nợ. bà T xác định còn nợ bà K, ông H 1,5 chỉ vàng trong khi phía bà K, ông H lại xác định bà T nợ 02 chỉ vàng. Ngoài ra, bị đơn còn trình bày: việc

vay nợ do cả hai vợ chồng nguyên đơn là bà T và ông Nguyễn Văn X thực hiện; do không có khả năng trả nợ nên bà T, ông X đã đồng ý sang nhượng cho bà K, ông H phần đất có chiều ngang mặt tiền là 17m, chiều ngang mặt hậu là 19,5m, chiều dài 34,5m để cấn trừ nợ; vợ chồng bị đơn đã xây dựng nhà ngay trên phần đất này từ năm 2001 và sinh sống ổn định từ đó cho đến nay. bà T phủ nhận việc có sang nhượng đất cho phía bị đơn, bà T trình bày từ năm 2001 do nợ nhiều người nên bà đã bỏ nhà đi làm thêm ở xa, vợ chồng bị đơn đã tự ý đến yêu cầu ông X phải giao đất và tự ý xây nhà để ở.

Hội đồng xét xử nhận thấy, mặc dù bà T phủ nhận việc có sang nhượng phần đất cho bà K, ông H, giữa các bên không có giấy tờ hay văn bản gì thể hiện việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất nhưng việc bà T có nợ bà K, ông H vào năm 2001 là có thật. Đồng thời cũng vào năm 2001, trên thực tế, bà K, ông H đã nhận phần đất có diện tích khoảng 500m^2 của bà T, ông X và xây dựng nhà kiên cố trên diện tích đất đó để làm nơi ở. Khi bà K, ông H xây dựng nhà thì ông X, bà T không có ý kiến phản đối gì; bà K, ông H đã sử dụng nhà đất liên tục, công khai, ổn định trong suốt 16 năm và đã tiến hành việc kê khai đất, được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Việc bà T cho rằng do bà đã bỏ nhà đi từ năm 2001 nên không hay biết sự việc cũng chỉ là lời trình bày một phía của bà T. Phía bị đơn cung cấp cho Toà án một đơn có xác nhận của Tổ trưởng ấp Thuận Hoà và Công an xã S với nội dung *"từ năm 1998 đến hết năm 2014 bà T vẫn có mặt tại nhà… đến khoảng đầu năm 2015 bà T bỏ nhà trốn nợ…"*. Ngoài ra, tại Đơn xin giải quyết ngày 09/7/2016 của bà T gửi cho UBND xã Truông Mít, Biên bản hoà giải ngày 29/9/2016 của UBND xã S(trước khi khởi kiện đến Toà án) thì bà T có lời trình bày *"do thiếu nợ bà K nên bà T, ông X có bán cho bà K phần đất…"*, lúc này bà T thừa nhận có việc bán đất cho bà K để trừ nợ, bà T chỉ tranh chấp về diện tích đất mua bán.

Như vậy, trong suốt quá trình bà K, ông H nhận đất, xây dựng nhà, sinh sống và được cấp giấy chứng nhận (năm 2008), gia đình bà T, ông X không ai có ý kiến hay khiếu nại gì về việc xây nhà, cấp giấy này. Điều này thể hiện ý chí của ông X, bà T là đã chuyển nhượng phần đất này cho bà K, ông H. Từ đó, có căn cứ xác định lời khai của bà K, ông H về việc bà T, ông X đã chuyển nhượng phần đất đang tranh chấp vào năm 2001 cho ông bà để cấn trừ nợ, là có cơ sở.

Từ những phân tích trên, có cơ sở để xác định việc chuyển nhượng phần đất đang tranh chấp giữa nguyên đơn và bị đơn là có thật, đã phát sinh hiệu lực từ năm 2001, do đó Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bị đơn, sửa bản án sơ thẩm, không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc bà K, ông H phải trả lại phần đất diện tích khoảng 554,2m^2 (diện

tích đo đạc thực tế 494m^2) và huỷ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H06428 ngày 25/9/2008 do Ủy ban nhân dân huyện M cấp cho ông H, bà K.

[2] Nguyên đơn, bị đơn không phải nộp án phí dân sự sơ thẩm và phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 2 Điều 176, Điều 242 của Bộ luật Dân sự năm 1995;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Võ Thái H, bà Lương Thị K; sửa bản án sơ thẩm.

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc:

- Buộc ông Võ Thái H, bà Lương Thị K phải trả lại phần đất diện tích 554,2m^2 (diện tích đo đạc thực tế 494m^2) và huỷ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H06428 ngày 25/9/2008 do Ủy ban nhân dân huyện M cấp cho ông H, bà K.

2. Về án phí và chi phí tố tụng khác:

- Về chi phí đo đạc, thẩm định giá: Ghi nhận bà Trần Hoa T tự nguyện chịu 10.500.000 (mười triệu năm trăm nghìn) đồng.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Trần Hoa T không phải chịu, hoàn trả cho bà T 2.000.000 (hai triệu) đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số: 0014746 ngày 15-12-2016 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện M, tỉnh Tây Ninh.

- Ông H, bà K không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Trả lại cho ông H số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tiền số 0000952 ngày 11/6/2019 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Tây Ninh.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 9 Luật Thi hành

án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSND cấp cao tại TP.HCM;
- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- Cục THADS tỉnh Tây Ninh;
- Các đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Minh